TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN ĐỊNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **195**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14-9-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Ngọc Thanh.
2. Ông Nguyễn Văn Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Đào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/9/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/4/2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Q, sinh năm: 1980.
Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.
- *Bị đơn:* Anh Lê Ngọc T, sinh năm: 1977.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.
Tại phiên tòa có mặt chị Q, vắng mặt anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 15/4/2022, bản tự khai ngày 29/4/2022, biên bản hòa giải ngày 20/6/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Ngọc T kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa ngày 17/12/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm đầu, đến năm 2009 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T không chịu khó làm ăn, ham chơi, dẫn đến nợ nần, vay mượn khắp nơi, chị

và gia đình nhiều lần phải trả nợ thay cho anh T. Chị đã nhiều lần khuyên bảo, nhưng anh T không thay đổi, vẫn chơi bời, nợ nần. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả. Tháng 6/2021, anh T vay nợ dẫn đến bên cho vay đến nhà đòi nợ, làm cho mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng hơn. Chị đã đưa 02 con về ngoại sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2021 đến nay, không quan tâm đến nhau. Chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Việt A, sinh ngày 19/9/2008 và cháu Lê Việt H, sinh ngày 23/10/2012. Các cháu khỏe mạnh bình thường và đang ở với chị. Vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả 02 con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị làm giáo viên Trường tiểu học xã Hà Thái, huyện Hà Trung, lương hàng tháng là 6.800.000 đồng, đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 20/6/2022, biên bản hòa giải ngày 20/6/2022, bị đơn là anh Lê Ngọc T trình bày như sau*:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa ngày 17/12/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 13 năm, đến năm 2021 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Trước năm 2021 vợ chồng cũng có mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn nhỏ, vợ chồng đều tự giải quyết được, đến năm 2021 thì vợ chồng mới mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, đặc biệt là về vấn đề kinh tế gia đình, anh đi làm nhưng thu nhập không cao, không có tiền để lo cho vợ con, anh cũng có vay nợ ngoài để lo cho bản thân và gia đình. Sau khi mâu thuẫn xảy ra, anh có nói chuyện với vợ để giải quyết mâu thuẫn nhưng không được. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị Q đã mang 02 con về ngoại sinh sống từ tháng 6/2021, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Khi ly thân, anh có nhiều lần qua lại thăm nom, xin cơ hội để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Q không cho anh cơ hội, chị Q không quan tâm đến anh. Chị Q xin ly hôn, anh thấy vẫn còn tình cảm với vợ, nên anh không đồng ý ly hôn. Anh có nguyện vọng vợ chồng về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái. Anh đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ, nếu Tòa án hòa giải không được thì anh chấp nhận Tòa án xử sao thì xử.

Về con chung: Vợ chồng có 02 chung là cháu Lê Việt A, sinh ngày 19/9/2008 và cháu Lê Việt H, sinh ngày 23/10/2012. Các cháu khỏe mạnh bình thường và đang ở với chị Q. Nếu phải ly hôn, quan điểm của anh giao 02 con cho chị Q nuôi dưỡng. Chị Q không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, nên anh không cấp dưỡng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn thực hiện cơ bản đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án như sau: Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Q, xử cho chị Lê Thị Q được ly hôn anh Lê Ngọc T. Về con chung: Giao cháu Lê Việt A, sinh ngày 19/9/2008 và cháu Lê Việt H, sinh ngày 23/10/2012 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, chị Q không được ngăn cấm. Vì quyền lợi của các con hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung (nếu có) theo quy định. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

+ Kiến nghị khắc phục vi trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về thẩm quyền xét xử: Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý, giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" giữa chị Q và anh T là đúng quy định về thẩm quyền xét xử, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh T đã Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị Q và anh T đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2009. Trên cơ sở trình bày của đương sự và xác minh tại địa phương xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, anh T không tu chí làm ăn, ham chơi, nợ nần nhiều, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị Q xin ly hôn, về phía anh T thừa nhận anh ham chơi, nợ nần, nhưng anh T xin được đoàn tụ. Anh T đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ, nếu không được thì anh chấp nhận Tòa án xử sao thì xử. Tòa án đã hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị Q vẫn cương quyết xin ly hôn. Tại phiên hòa giải, Tòa án đã đưa ra các giải pháp, cách thức để giúp anh T thuyết phục chị Q về đoàn tụ. Nhưng từ sau phiên hòa giải lần 1 cho đến nay, anh T không thực hiện giải pháp gì để thuyết phục chị Q. Tòa án thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 2, lần 3 anh T không đến Tòa án. Tòa án đã 02 lần mở phiên tòa,

nhưng anh T cũng không đến tham dự phiên tòa. Điều đó chứng tỏ anh T không có thiện chí níu kéo hạnh phúc, có thái độ bỏ mặc cho Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng, làm cho hôn nhân giữa chị Q và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung đã chấm dứt từ lâu, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Q, xử cho chị Q được ly hôn anh T.

[4] Về con chung:

Chị Q và anh T có 02 con chung là cháu Lê Việt A, sinh ngày 19/9/2008 và cháu Lê Việt H, sinh ngày 23/10/2012. Các cháu đang ở với chị Q. Chị Q có nguyện vọng nuôi 02 con. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyện vọng nuôi con của chị Q là chính đáng. Bản thân chị Q có việc làm ổn định, có thu nhập, có đủ điều kiện để nuôi con. Anh T cũng chấp nhận cho chị Q nuôi 02 con. Cháu Lê Việt A và cháu Lê Việt H có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy để đảm bảo ổn định cuộc sống của các con, giao 02 con cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị Q, nên không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Q và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Q khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

T xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Q được ly hôn anh Lê Ngọc T.

2. Về con chung:

Chị Q và anh T có 02 con chung là cháu Lê Việt A, sinh ngày 19/9/2008 và cháu Lê Việt H, sinh ngày 23/10/2012. Giao cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Việt A và cháu Lê Việt H. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Q phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn)* mà chị Q đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, theo Biên lai thu số AA/2021/0003438 ngày 13/4/2022. Chấp nhận chị Q đã nộp đủ án phí ly hôn.

5. Quyền kháng cáo: Chị Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày T án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- UBND xã Y, huyện Yên Định;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Dung